

Số: 483/QĐ-BQLKKT PQ

Phú Quốc, ngày 25 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐCP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 134/TB-STC ngày 26/4/2023 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang về việc xét duyệt quyết toán năm 2022.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

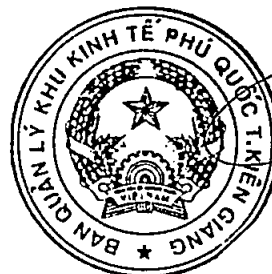
Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: V, ltmthang



K. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Phan Văn Cường

BAN QUẢN LÝ KINH TẾ PHÚ QUỐC

Chương: 505



CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2022

(làm theo Quyết định số 123 /QĐ-BQLKKTQP ngày 15/5/2023)

ĐVT: Triệu đồng

I	Quyết toán thu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm sửa chữa	Trích lập các quỹ
A	Tổng số thu	3.008	3.008			
1	Số thu phí, lệ phí	233	233			
1.1	Lệ phí	3	3			
1	Lệ phí cấp phép xây dựng	3	3			
	Lệ phí cấp phép lao động	-	-			
		-	-			
1.2	Phí	230	230			
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	221	221			
	Phí thẩm dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật	7	7			
	Phí thẩm định cấp phép bán buôn Rượu, bia, thuốc lá	2	2			
2	Thu từ nguồn chi phí thẩm định	2.775	2.775			
	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch	2.225	2.225			
	Chi phí quản lý nghiệp vụ điều chỉnh đồ án quy hoạch	357	357			
	Chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành vốn NN	193	193			
3	Thu sự nghiệp khác	-	-			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	2.558	2.558	1.680	878	
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-			
1.1	Chi sự nghiệp.....	-	-			
1.2	Chi quản lý hành chính	-	-			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-			
2	Chi từ nguồn chi phí để lại	2.558	2.558	1.680	878	
C	Số thu nộp NSNN	115	115			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	115	115			
1.1	Lệ phí	3	3			
	Lệ phí cấp phép xây dựng	3	3			
	Lệ phí cấp phép lao động	-	-			
1.2	Phí	112	112			
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	110	110			
	Phí thẩm dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật	0,7	0,7			
	Phí thẩm định cấp phép bán buôn Rượu, bia, thuốc lá	1	1			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.494	6.494			
1	Chi quản lý hành chính	6.494	6.494	4.466	1.209	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.676	5.676	4.466	1.209	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	818	818	-	-	